

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2020/HS-ST**

Ngày: 25-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Hồng Hải;
2. Ông Nguyễn Minh Sơn.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hoàng V**; tên gọi khác: **M, Đ**; sinh ngày 27 tháng 8 năm 1990; nơi sinh: Lâm Đồng; nơi cư trú: đường N, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không rõ; con bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1972; cha kế: ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1966; gia đình bị cáo có 03 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2001; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: Tại bản án số 79/2011/HSST ngày 16/6/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”, bị cáo chưa thi hành phần bồi thường dân sự; Tại bản án số 22/2018/HSST ngày 14/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 17/4/2019; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

- Bị hại:

1. Ông Phạm L, sinh năm: 1963, HKTT: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hoà; nơi tạm trú: đường T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*.

2. Anh Phan Văn L, sinh năm: 2001; nơi cư trú: đường H, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*.

3. Anh Bùi Ngọc Đức Q, sinh năm: 2000; nơi cư trú: Thôn I, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Quang B, sinh năm: 1960; nơi cư trú: thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nơi tạm trú: đường H, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Lê Châu Anh V, sinh năm: 1984, nơi cư trú: đường H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt).

2. Ông Trần Văn K, sinh năm: 1974, nơi cư trú: đường N, phường D, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng V là đối tượng đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích về tội “Cướp tài sản” và “Trộm cắp tài sản”, sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, V tiếp tục nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người dân trên địa bàn thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng để kiếm tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể:

Vào khoảng 02 giờ 00 ngày 16/7/2019, Nguyễn Hoàng V nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của tài xế xe taxi để kiếm tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, V đến vòng xoay phun nước tại khu H, phường A, thành phố Đ đón 01 xe taxi của hãng xe M, biển số: 49A-171.64 do ông Phạm L điều khiển chở V đến chùa L, phường D, thành phố Đ. Khi lên xe, V ngồi ở ghế trước của xe và nhìn thấy phía trước xe (táp lô) ông L đang cầm sạc 01 điện thoại di động hiệu VIVO màu trắng, mặt sau màu vàng và học bên phải gần cần số xe ông L có để số tiền 195.000 đồng. V nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại và số tiền này nên khoảng 02 giờ 25 phút, khi đến gần cổng chùa L, V giả vờ nói ông L dừng xe đợi V đón vợ để quay lại chợ Đ. Khi vừa bước chân phải ra khỏi cửa xe taxi, V nói ông L cho V mượn điện thoại để gọi đồng thời dùng tay phải giật chiếc điện thoại VIVO, tay trái giật số tiền 195.000 đồng rồi nhanh chóng bỏ chạy, ông L xuống xe đuổi theo nhưng không kịp. Ông L gọi điện thoại cho vợ mình là bà Nguyễn Thị N thông báo việc bị giật điện thoại thì bà N gọi vào số máy điện thoại VIVO thì gặp V và V nói đã cướp giật điện thoại của ông L rồi cúp máy. Ông L đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc. Sau khi lấy được điện thoại và tiền của ông L, V đến tiệm game bắn cá của ông Lê Châu Anh V tại địa chỉ đường T, phường D, thành phố Đ sử dụng số tiền 195.000 đồng vừa chiếm đoạt được để chơi game bắn cá hết, còn chiếc điện thoại VIVO thì V giữ lại trên người. Đến 05 giờ cùng ngày, Cơ quan Công an đã tạm giữ Nguyễn Hoàng V cùng tang vật tại tiệm bắn cá nói trên. Quá trình điều tra, V đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu VIVO, màu trắng, mặt sau màu vàng và số tiền 195.000 đồng (tiền Việt Nam).

Bị hại: ông Phạm L bị chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu VIVO, màu trắng, mặt sau màu vàng và số tiền 195.000 đồng. Tại kết luận định giá tài sản của

Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc điện thoại nói trên trị giá 1.800.000 (*một triệu tám trăm nghìn*) đồng. Tổng giá trị tài sản mà V đã chiếm đoạt của ông L là 1.995.000 (*một triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn*) đồng. Ông L đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra xác định V còn nhiều lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác như sau:

Lần 1: Vào khoảng 17 giờ 00 ngày 31/5/2019, V một mình đi bộ đến quán internet N tại đường K, phường 6, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng để chơi điện tử. Tại đây, V phát hiện 01 chiếc điện thoại hiệu Xiaomi Redmi 6 màu vàng đồng của anh Phan Văn L đang cắm sạc điện và để trên thành ghế. V quan sát thấy không có người trông coi nên đã rút dây sạc và lấy chiếc điện thoại trên bỏ vào túi quần rồi bỏ đi. Sau đó, V đã bán chiếc điện thoại trên được số tiền 800.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Bị hại: Anh Phan Văn L bị chiếm đoạt 01 điện thoại hiệu Xiaomi Redmi 6 màu vàng đồng. Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc điện thoại nói trên trị giá 3.690.000 (*Ba triệu sáu trăm chín mươi nghìn*) đồng. Cơ quan điều tra không thu giữ được tài sản để trả cho bị hại. Anh L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.690.000 đồng.

Lần 2: Vào khoảng 22 giờ 00 ngày 22/6/2019, V một mình đi đến bãi xe ô tô thuộc khu văn hóa thể thao đường X, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng với mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi vào trong bãi xe, V đến 01 thùng công-te-nơ không có cửa và phát hiện bên trong thùng công-te-nơ có người đang ngủ và phía trên đầu giường ngủ có để 01 điện thoại hiệu Samsung J3, màu vàng đồng đang cắm sạc của anh Bùi Ngọc Đức Q. V lén lút rút dây sạc ra, lấy điện thoại bỏ vào túi quần rồi đi ra ngoài trốn ở một thùng công-te-nơ khác gần đó ngủ tới sáng. Đến khoảng 08 giờ 00 ngày 23/6/2019, V mang chiếc điện thoại trộm cắp được bán cho ông Trần Văn K nhưng do điện thoại bị nứt màn hình nên ông K chỉ thu mua lại linh kiện với số tiền 100.000 đồng. Số tiền này, V đã tiêu xài hết. Sau khi mua điện thoại của V, ông K đã tháo máy, lấy phụ kiện đem thay và đã bán nên Cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản.

Bị hại: Anh Bùi Ngọc Đức Q bị chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại hiệu Samsung J3, màu vàng đồng bị nứt màn hình. Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc điện thoại nói trên trị giá 1.787.500 (*một triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm*) đồng. Anh Q không có yêu cầu bồi thường gì.

Lần 3: Đến 17 giờ 00 ngày 23/6/2019, V tiếp tục quay lại bãi xe ô tô thuộc khu văn hóa thể thao đường X, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng với mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi V đi ngang qua chốt bảo vệ của bãi xe, V nhìn qua cửa sổ chốt bảo vệ phát hiện 01 điện thoại hiệu Samsung J7 màu đen có ốp lưng, bên trong ốp lưng điện thoại có 01 tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 1USD (đô la Mỹ) và 01 tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 10 YUAN (nhân dân tệ) của ông Nguyễn Quang B đang để trên bàn. Lợi dụng không có người đề ý, V lén lút lấy chiếc điện thoại này bỏ vào túi

quần rồi bỏ đi. Sau đó, V tiếp tục mang chiếc điện thoại vừa lấy được bán cho ông Trần Văn K được số tiền 800.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy J7 màu đen, đời 2016, số IMEI: 359732072241295, dung lượng 32GB kèm 01 ốp lưng màu vàng, 01 tờ tiền ngoại tệ 10 YUAN. Riêng tờ tiền 1 USD, trong quá trình kinh doanh, ông K đã làm thất lạc nên không thu giữ được.

Bị hại: ông Nguyễn Quang B bị chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại hiệu Samsung Galaxy J7 màu đen kèm ốp lưng, 01 tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 1USD (đô la Mỹ) và 01 tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 10 YUAN (nhân dân tệ). Tại kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc điện thoại nói trên trị giá 3.592.000 đồng; Ốp lưng không còn giá trị để định giá; 01 tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 1USD (đô la Mỹ) có trị giá vào ngày 23/6/2019 là 23.217 đồng và 10 YUAN (nhân dân tệ) có trị giá vào ngày 23/6/2019 là 33.806 đồng. Tổng giá trị tài sản mà V chiếm đoạt của ông B là: 3.649.023 (*ba triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn không trăm hai mươi ba*) đồng. Ông B đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì. Riêng số tiền 01 USD không thu giữ được, ông B cũng không có yêu cầu bồi thường.

Trong vụ án này, có anh Lê Châu Anh V là người đã nhận số tiền 195.000 đồng của bị cáo V trả tiền chơi bắn cá; ông Trần Văn K là người đã thu mua 02 chiếc điện thoại của bị cáo V. Quá trình điều tra, xác định khi nhận tiền, mua lại điện thoại của bị cáo thì anh Anh V và ông K đều không biết đó là tài sản do bị cáo V phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý đối với anh Anh V và ông K. Anh V và ông K không có yêu cầu bồi thường gì.

Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 15/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng V về các tội “*Cướp giật tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 và điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hoàng V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thực hiện như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Bị cáo không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc, khiếu nại gì về các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường cho bị hại anh Phan Văn L số tiền 3.700.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo, giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hoàng V và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng V phạm các tội “*Cướp giật tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị:

Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo từ 42 - 48 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo từ 36 – 42 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

-Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Vũ chấp hành hình phạt chung của cả hai tội.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường cho bị hại anh Phan Văn L số tiền 3.700.000 đồng.

Bị cáo không tranh luận gì với luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, các bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, các bị hại ông L, anh L, ông B và người liên quan ông K có đơn xin vắng mặt; bị hại anh Q và người liên quan là anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của các bị hại và những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với biên bản xác định hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Nguyễn Hoàng V là đối tượng đã có 02 tiền án về các tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/4/2019 trở về địa phương thì bị cáo lại tiếp tục nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn thành phố Đ để kiếm tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể: từ ngày 21/5/2019 đến ngày 23/6/2019, lợi dụng sơ hở của các bị hại trong việc quản lý tài sản, bị cáo V đã 03 lần thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản là điện thoại di động và ngoại tệ của các bị hại là anh Phan Văn L, anh Bùi Ngọc Đức Q và ông Nguyễn Quang B với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 9.126.523 (*chín triệu một trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi ba*) đồng. Hành vi của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, điểm i khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, khoảng 02 giờ 25 phút, ngày 17/6/2019, sau khi đón taxi do ông Phạm L điều khiển chở V đến khu vực gần cổng chùa L, phường D, thành phố Đ thì dừng xe cho V xuống, lợi dụng lúc ông L đang điều khiển xe, bị cáo V vừa nói ông L mượn điện thoại đồng thời nhanh chóng dùng tay phải giật chiếc điện thoại hiệu VIVO của ông L đang sạc pin ở phía trước xe và tay trái giật lấy số tiền 195.000 đồng ông L đang để trong hộc gần cần số xe rồi nhanh chóng tẩu thoát. Tổng giá trị

tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của ông L là 1.995.000 (một triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn) đồng. Hành vi của bị cáo V thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự mà Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của các hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện thì thấy rằng: Bản thân bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã có 02 tiền án về các tội chiếm đoạt tài sản nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà sau khi chấp hành hình phạt tù trở về địa phương, mới chỉ trong thời gian ngắn, bị cáo tiếp tục nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương và đặc biệt là thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên cần xử bị cáo hình phạt thật nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo: Đối với tội “Trộm cắp tài sản” thì bị cáo phạm tội nhiều lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Bị hại ông Phạm L xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo đối với tội “Cướp giật tài sản”.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các Điều 171, 173 Bộ luật hình sự đều quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Trong vụ án này, có anh Lê Châu Anh V là người đã nhận số tiền 195.000 đồng của bị cáo trả tiền chơi bắn cá; ông Trần Văn K là người đã thu mua 02 chiếc điện thoại của bị cáo. Quá trình điều tra, xác định khi nhận tiền, mua lại điện thoại của bị cáo thì anh Anh V và ông K đều không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý đối với anh Anh V và ông K.

Quá trình điều tra, bị cáo còn khai nhận vào thời gian giữa tháng 5/2019, bị cáo đã trộm cắp 01 điện thoại hiệu Samsung tại địa chỉ đường K, phường F, thành phố Đ nhưng hiện không xác định được người bị hại, không thu hồi được tang vật nên chưa có cơ sở để xử lý trong cùng vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt đang tiếp tục điều tra làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý bằng vụ án khác.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại ông L, anh Q, ông B đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Anh V và ông K cũng không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Bị hại anh Phan Văn L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.690.000 đồng tương ứng với trị giá chiếc điện thoại mà bị cáo đã chiếm đoạt. Tại phiên toà, bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường cho anh L số tiền 3.700.000 (ba triệu bảy trăm nghìn) đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh L số tiền nói trên.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại hiệu VIVO và số tiền 195.000 đồng cho bị hại ông Phạm L, trả lại chiếc điện thoại Samsung J7 và 01 tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 10 YUAN (nhân dân tệ cho bị hại là ông Nguyễn Quang B. Không ai có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét tiếp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng V phạm các tội “*Cướp giết tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

-Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Hoàng V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cướp giết tài sản*”;

-Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Hoàng V 03 (ba) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

-Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng V chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 16/7/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Hoàng V có trách nhiệm bồi thường cho anh Phan Văn L số tiền 3.700.000 (Ba triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THA TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Lệ Quyên